TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2018.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Thanh Hồng;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Như B, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* anh Đoàn Văn T, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

(Có đơn xin vắng mặt ngày 22 tháng 12 năm 2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Như B trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của ông bà cha mẹ hai bên, năm 2011 chị và anh T được gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian chung sống hạnh phúc có 01 con chung. Nhưng thời gian gần đây luôn bất đồng qua điểm, thường có mâu thuẫn với nhau. Giữa hai người có cố gắng giải quyết với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng không thể hàn gắn được, cha mẹ hai bên hòa giải nhưng không giải quyết được nên chị và anh T

đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không mang lại hạnh phúc cho nhau được nên yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn T. Về con chung: có 01 người con chung tên Đoàn Phi Anh, sinh năm 2011. Bà yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 22 tháng 12 năm 2017, bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Vợ anh là Nguyễn Như B, sinh năm 1995 hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau có nộp đơn xin ly hôn đối với anh tại Tòa án nhân dân huyện U Minh. Nhưng hiện nay anh đi làm ăn xa việc đi lại để tham gia giải quyết vụ án gặp khó khăn nên không thể tham gia giải quyết vụ kiện, do đó yêu cầu Tòa án cho anh được vắng mặt khi hòa giải, xét xử. Anh có một số ý kiến như sau:

Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với Nguyễn Như B

Về con chung tên Đoàn Phi Anh, sinh năm 2011 hiện đang sống với chi Bình anh đồng ý giao con cho chị B nuôi.

Tài sản chung, nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Việc vắng mặt đương sự*: anh Đoàn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ, anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh Đoàn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị B vẫn yêu cầu ly hôn với anh T, tuy nhiên do anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của hôn nhân và gia đình nên không công nhận chị B và anh T là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* tên Đoàn Phi Anh, sinh năm 2011, hiện đang sống chung với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và anh T cũng đồng ý nên giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, vì vậy giao con chung tên Đoàn Phi Anh, sinh năm 2011 cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố chị Nguyễn Như B và anh Đoàn Văn T không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao con tên Đoàn Phi Anh, sinh ngày 22 - 12 – 2011, cho chị Nguyễn Như B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Như B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011739 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M; chị Nguyễn Như B đã nộp đủ án phí.

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện U Minh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ